

Số: 2990/QĐ - UBND

Thái Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kế hoạch phân bổ hỗ trợ xi măng xây dựng công trình
kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2013 (Công trình nhóm 2, đợt 1).**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 501/TTr-SKHĐT ngày 20/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phân bổ xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới cho các công trình nhóm 2 (đợt 1), với tổng khối lượng xi măng hỗ trợ: 2.044,5 tấn, trong đó:

- Thành phố Thái Bình: 453,2 tấn (01 xã);
- Huyện Tiền Hải: 442 tấn (02 xã);
- Huyện Thái Thụy: 1.149,3 tấn (05 xã).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các huyện, thành phố được tỉnh phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo khối lượng xi măng hỗ trợ cho các huyện theo đơn vị xã; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các địa phương theo kế hoạch được duyệt;

- Ủy ban nhân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình



theo đúng quy định tại Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013, Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Công văn số 3336/UBND-NN ngày 10/12/2013 về việc tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

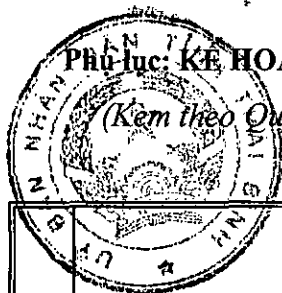
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TM, NN, TH. **7**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Ca



Phụ lục: KẾ HOẠCH HỖ TRỢ XI MĂNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÓM 2 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Danh mục công trình, dự án	Quy mô đầu tư (m, m2, nhà)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thời gian khởi công - hoàn thành	UBND tỉnh hỗ trợ xi măng (tấn)	Ghi chú
	Tổng cộng				2.044,5	
I	Thành phố Thái Bình				453,2	
1	Xã Vũ Đông				453,2	
1.1	Công trình nhóm 2				453,2	
a	Đường giao thông trục xã (m)	1.595,7		Tháng 12/2013	453,2	
-	Đường trục xã Vũ Đông (từ cầu Tùng đến chùa Quần Đông)	1.595,7	Mặt rộng 3,5m, BTXM M300, dày 18cm		453,2	
II	Huyện Tiền Hải				442,0	
1	Xã Đông Trà				100,0	
1.1	Công trình nhóm 2				100,0	
a	Trường trung học cơ sở (phòng)	4 phòng		Tháng 12/2013 - Quý II/2014	52,0	
b	Trụ sở UBND xã (hạng mục sân bãi - m2)	500,0		Tháng 12/2013 - Quý II/2014	48,0	
2	Xã Đông Long				342,0	
2.1	Công trình nhóm 2				342,0	
a	Trường tiểu học				342,0	
III	Huyện Thái Thụy				1.149,3	
1	Xã Thụy Chính				227,8	
1.1	Công trình nhóm 2				227,8	
a	Đường giao thông trục xã (m)	802,0	Mặt rộng $\geq 3,5$ m, BTXM M300, dày ≥ 18 cm	Tháng 12/2013	227,8	
2	Xã Thụy Xuân				304,5	
2.1	Công trình nhóm 2				304,5	
a	Đường giao thông trục xã (m)	274,3	Mặt rộng $\geq 3,5$ m, BTXM M300, dày ≥ 18 cm	Tháng 12/2013	77,9	
b	Trường mầm non (phòng)	10,0		Tháng 12/2013	226,6	
3	Xã Thụy Duyên				170,4	
3.1	Công trình nhóm 2				170,4	
a	Đường giao thông trục xã (m)			Tháng 12/2013	170,4	
-	Tuyến từ nhà anh Lâm thôn Duyên Trữ đến ngõ ông Trạch thôn Nghĩa Chừ	600,0	Mặt rộng 3,5m, BTXM M300, dày 18cm		170,4	
4	Xã Thụy Trường				262,0	
4.1	Công trình nhóm 2				262,0	
a	Trường mầm non (phòng)	6,0		Tháng 12/2013	262,0	
5	Xã Thụy Bình				184,6	
5.1	Công trình nhóm 2				184,6	
	Đường giao thông trục xã (m)			Tháng 12/2013 - Quý I/2014	184,6	
	Từ đường 456 đến vườn ông Chu	650,0	Mặt rộng 3,5m, BTXM M300, dày 18cm		184,6	

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
25/12/2013 15:23:04